

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động
của Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải**

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
CÔNG VĂN ĐẾN
Số:.....
Ngày 21 tháng 12 năm 2013

BỘ TRƯỞNG GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/09/2005 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Nghị định 96/2010/NĐ-CP ngày 20/09/2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Xét đề nghị của Viện trưởng Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải tại tờ trình số 326/TTr-VCL&PT ngày 07/8/2013;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

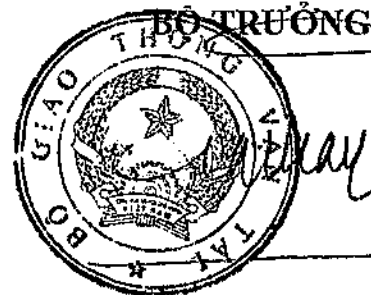
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký; bãi bỏ Quyết định số 3912/QĐ-BGTVT ngày 30/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải và các quy định trước đây trái quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, các Vụ trưởng, Viện trưởng Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ;
- Sở Khoa học-Công nghệ Hà Nội
- Đảng uỷ Bộ GTVT;
- Công đoàn GTVT Việt Nam;
- Trang tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VP, TCCB (dha).



Đinh La Thăng

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 4271/QĐ-BGTVT ngày 23 tháng 12 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên gọi và vị trí

1. Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải là tổ chức sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập trực thuộc Bộ Giao thông vận tải, có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc và Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải có tên giao dịch bằng tiếng Anh là: TRANSPORT DEVELOPMENT AND STRATEGY INSTITUTE; viết tắt là: TDSI.

3. Trụ sở chính: Số 162, Đường Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 04.38256408

Fax: 84-04-38256408

Email: tdsi@mt.gov.vn

Website: <http://www.tdsi.gov.vn>

Điều 2. Cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động

Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải hoạt động theo Luật khoa học và công nghệ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Chức năng

Viện Chiến lược và Phát triển giao thông vận tải (sau đây gọi là Viện) thực hiện chức năng nghiên cứu khoa học phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi là Bộ) trong lĩnh vực xây dựng chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển giao thông vận tải, định mức kinh tế - kỹ thuật chuyên ngành giao thông vận tải; thực hiện các dịch vụ khoa học, công nghệ và tổ chức sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nhiệm vụ nghiên cứu, phát triển ứng dụng khoa học, công nghệ và dịch vụ

1. Thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học phục vụ chức năng quản lý nhà nước của Bộ dưới các hình thức giao nhiệm vụ thường xuyên theo kế hoạch, giao trực tiếp, giao theo phương thức tuyển chọn, cụ thể:

a) Nghiên cứu, xây dựng chiến lược và quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới giao thông trên phạm vi toàn quốc, theo địa phương và vùng lãnh thổ, giao thông đô thị và giao thông nông thôn; quy hoạch phát triển các chuyên ngành giao thông vận tải;

b) Nghiên cứu, xây dựng và đánh giá hiệu quả cơ chế, chính sách quản lý và phát triển giao thông vận tải;

c) Nghiên cứu, dự báo nhu cầu vận tải hành khách và hàng hóa;

d) Nghiên cứu quản lý môi trường và quy hoạch khai thác sử dụng đất để phát triển kết cấu hạ tầng giao thông vận tải;

đ) Nghiên cứu quản lý và tổ chức vận tải;

e) Phân tích, đánh giá hiệu quả các dự án đầu tư phát triển giao thông vận tải;

g) Nghiên cứu nguồn lực phát triển giao thông vận tải;

h) Nghiên cứu, xây dựng định mức, đơn giá trong lĩnh vực giao thông vận tải;

i) Xây dựng cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội, giao thông vận tải phục vụ công tác quản lý của Bộ và nhiệm vụ nghiên cứu của Viện;

k) Nghiên cứu, xây dựng quy hoạch chi tiết trong lĩnh vực giao thông vận tải;

l) Nghiên cứu các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững trong giao thông vận tải;

m) Nghiên cứu, xây dựng chương trình, đề án bảo đảm trật tự an toàn giao thông và giảm ùn tắc giao thông.

2. Thực hiện các dịch vụ khoa học và công nghệ

a) Nghiên cứu cơ chế, chính sách quản lý giá trong lĩnh vực giao thông vận tải.

b) Lập quy hoạch phát triển giao thông vận tải (bao gồm kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện, vận tải).

c) Lập báo cáo môi trường chiến lược, báo cáo đánh giá tác động môi trường, quan trắc, giám sát môi trường; thực hiện dịch vụ khoa học, công nghệ về môi trường.

d) Thẩm tra dự án đầu tư xây dựng trong lĩnh vực giao thông vận tải.

đ) Khảo sát lưu lượng giao thông và dự báo nhu cầu vận tải.

e) Tư vấn thẩm định quy hoạch phát triển giao thông vận tải của các chuyên ngành đường sắt, đường bộ, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không và quy hoạch phát triển giao thông vận tải các địa phương.

g) Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông vận tải; chuyển giao công nghệ; ứng dụng công nghệ; phân tích hiệu quả dự án.

h) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông; tư vấn thẩm tra, thẩm định về an toàn giao thông đối với các dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo kết cấu hạ tầng giao thông.

i) Lập quy hoạch tổng thể, quy hoạch chi tiết, tư vấn đầu tư xây dựng công trình trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi...

k) Tư vấn thẩm định, xây dựng định mức, đơn giá trong lĩnh vực giao thông vận tải, xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi...

3. Thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế liên quan tới nghiên cứu khoa học và đào tạo về các lĩnh vực thuộc chức năng của Viện theo quy định của pháp luật.

4. Tổ chức nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác nghiên cứu của Viện.

5. Tổ chức và phối hợp với các cơ sở đào tạo, các viện nghiên cứu trong nước và nước ngoài trong công tác đào tạo sau đại học, đào tạo nghề, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức về các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của Viện theo quy định của pháp luật; đào tạo tư vấn quản lý và giám sát thi công công trình giao thông; xây dựng dân dụng và công nghiệp.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Bộ trưởng giao.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ trong hoạt động khoa học và công nghệ

1. Được quyền tham gia tuyển chọn, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, ngành, địa phương công bố hàng năm.

2. Được tự quyết định biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các cơ quan nhà nước giao hoặc đặt hàng, đảm bảo chất lượng và tiến độ theo yêu cầu.

3. Được ký hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; được quyền lựa chọn đối tác, tự quyết định hình thức hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đầu tư trực tiếp, dịch vụ khoa học và công nghệ với các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài theo khả năng của Viện.

4. Thực hiện hợp đồng khoa học và công nghệ đã ký kết, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giao; sử dụng hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển khoa học, công nghệ và chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

5. Được mời các chuyên gia, nhà khoa học nước ngoài đến làm việc, tham gia quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Viện theo quy định của pháp luật; được quyết định mức lương thuê chuyên gia tùy theo nguồn tài chính của Viện.

6. Được quyền ký quyết định cử cán bộ, viên chức và người lao động thuộc quyền quản lý đi công tác, học tập có thời hạn ở nước ngoài theo quy định.

7. Được thực hiện các hình thức liên kết, được nhận tài trợ và vay vốn để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

8. Quyết định việc đầu tư phát triển từ vốn vay, vốn huy động các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, từ quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của Viện.

9. Được nhà nước hỗ trợ kinh phí đầu tư phát triển khoa học công nghệ, tăng cường năng lực nghiên cứu.

10. Được lập văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo nhu cầu công việc của Viện phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước sở tại.

11. Được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; chuyển giao, chuyển nhượng kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

12. Công bố kết quả hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Báo chí, Luật xuất bản và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

13. Có nghĩa vụ bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ trong tổ chức mình; giữ bí mật khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật.

14. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ trong hoạt động sản xuất, kinh doanh

1. Được thực hiện các dịch vụ thuộc lĩnh vực hoạt động chuyên môn của Viện và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật; được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Được liên doanh, liên kết sản xuất với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài.

3. Được tham gia đấu thầu thực hiện các hợp đồng sản xuất, cung ứng hàng hoá, dịch vụ phù hợp với lĩnh vực hoạt động chuyên môn của Viện.

4. Thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định.

5. Có các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC, BỘ MÁY

Điều 7. Cơ cấu tổ chức

1. Viện có cơ cấu tổ chức như sau:

a) Các tổ chức tham mưu giúp việc Viện trưởng.

b) Các đơn vị trực thuộc.

Danh sách các tổ chức, đơn vị trực thuộc Viện tại thời điểm phê duyệt Điều lệ này nêu tại Phụ lục đính kèm.

2. Các tổ chức tham mưu giúp việc Viện trưởng là các phòng nghiệp vụ, giúp Viện trưởng quản lý, điều hành công việc của Viện.

3. Các đơn vị trực thuộc gồm các trung tâm, hạch toán phụ thuộc Viện; tự trang trải kinh phí, có con dấu riêng, được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước, Ngân hàng (kể cả tài khoản ngoại tệ) để phục vụ các hoạt động nghiên cứu, dịch vụ, sản xuất, kinh doanh và thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Điều 8. Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kế toán trưởng

1. Viện có Viện trưởng là người đứng đầu, chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Viện. Giúp việc Viện trưởng có các Phó Viện trưởng, chịu trách nhiệm trước Viện trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được Viện trưởng phân công.

2. Viện trưởng do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm.

3. Phó Viện trưởng do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Viện trưởng.

4. Kế toán trưởng do Bộ trưởng bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Viện trưởng. Kế toán trưởng có nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Viện trưởng và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Điều 9. Quyền hạn của Viện trưởng

1. Quyết định quy hoạch phát triển, kế hoạch hoạt động và biện pháp thực hiện của Viện.

2. Chỉ đạo, điều hành Viện thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật và của Bộ.

3. Quyết định việc sắp xếp, điều chỉnh tổ chức bộ máy của Viện; thành lập, tổ chức lại, giải thể và quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và ban hành điều lệ tổ chức hoạt động của các đơn vị trực thuộc.

4. Trình Bộ quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết chế độ, chính sách đối với chức danh Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kế toán trưởng và các viên chức khác của Viện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ.

5. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết chế độ, chính sách đối với viên chức, người lao động của Viện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý. Việc xem xét bổ nhiệm chỉ thực hiện đối với viên chức đã được ký hợp đồng làm việc không xác định thời hạn, có thời gian làm việc tại Viện từ 03 năm trở lên và có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.

6. Quyết định việc tuyển dụng viên chức theo hình thức thi tuyển hoặc xét tuyển; quyết định việc ký hợp đồng làm việc, xếp lương với những người được tuyển dụng theo quy định của pháp luật; ký hợp đồng lao động để thực hiện những công việc không cần thiết bố trí biên chế thường xuyên.

7. Quyết định bổ nhiệm vào ngạch (hạng), chuyển ngạch (hạng) và xếp lương viên chức theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ; quyết định nâng bậc lương theo thời hạn, trước thời hạn và vượt bậc trong cùng ngạch (hạng).

8. Quyết định việc sắp xếp, bố trí sử dụng công chức, viên chức và người lao động phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng người; quyết định chấm dứt hợp đồng làm việc, hợp đồng lao động đối với viên chức, người lao động thuộc quyền quản lý theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của Viện trưởng

1. Là người đại diện trước pháp luật của Viện.

2. Quản lý, bảo toàn và phát triển tài sản của Nhà nước giao cho Viện; giải quyết mọi vấn đề liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động khoa học công nghệ, sản xuất, kinh doanh, quyền và nghĩa vụ của Viện; thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo thường xuyên theo định kỳ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ về hoạt động của Viện.

3. Báo cáo thống nhất với Ban Thường vụ Đảng ủy Viện theo quy định trước khi quyết định các vấn đề về tổ chức, cán bộ.

4. Báo cáo thống nhất với Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Chấp hành Công đoàn Viện trước khi quyết định hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định về:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện;

b) Quy hoạch phát triển, kế hoạch hoạt động và biện pháp thực hiện;

c) Thành lập, tổ chức lại, chấm dứt hoạt động, giải thể các tổ chức trực thuộc;

d) Ban hành các Quy chế, Quy định nội bộ (riêng với Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế dân chủ cơ quan phải thông qua Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động của Viện).

Khi Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Chấp hành Công đoàn Viện có ý kiến chưa thống nhất với Viện trưởng về các nội dung nói trên thì từng tổ chức báo cáo bằng văn bản với cấp trên trực tiếp của tổ chức mình và Viện trưởng báo cáo bằng văn bản xin ý kiến của Bộ trước khi quyết định.

5. Sau khi ký ban hành quyết định những việc dưới đây, thì trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày ký phải gửi các quyết định về Bộ để theo dõi, kiểm tra:

a) Quy hoạch phát triển, kế hoạch hoạt động và biện pháp thực hiện;

b) Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế dân chủ cơ quan;

c) Các quyết định về tổ chức, cán bộ theo thẩm quyền.

6. Phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn Viện tổ chức Hội nghị công chức, viên chức hằng năm theo quy định; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; giữ gìn đoàn kết nội bộ, chăm lo đến việc nâng cao đời sống về vật chất, tinh thần của cán bộ, viên chức và người lao động trong đơn vị; không bỏ trí vợ hoặc chồng, bố mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ các chức vụ lãnh đạo về tổ chức, nhân sự, kế toán - tài chính, làm thủ quỹ, thủ kho trong Viện.

7. Quản lý bộ máy, biên chế, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật; xây dựng trình Bộ trưởng về cơ cấu tổ chức, vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, viên chức, biên chế của Viện.

8. Xây dựng và thực hiện chương trình cải cách hành chính của Viện; thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống tiêu cực theo thẩm quyền của Viện.

Điều 11. Tập thể cán bộ, viên chức và người lao động

1. Cán bộ, viên chức và người lao động tham gia quản lý Viện thông qua các hình thức tổ chức: Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu cán bộ, viên chức, người lao động (được tổ chức từ các đơn vị trực thuộc đến Viện), tổ chức Công đoàn Viện, Ban Thanh tra nhân dân. Cán bộ, viên chức và người lao động được thực hiện quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Thông qua Hội nghị, cán bộ, viên chức, người lao động có quyền thảo luận biểu quyết, quyết định các vấn đề:

a) Nội dung hoặc bổ sung, sửa đổi thỏa ước lao động tập thể để người đại diện tập thể lao động thương lượng và ký kết với Viện trưởng;

b) Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế dân chủ cơ quan và các chỉ tiêu kế hoạch của Viện có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phù hợp với hướng dẫn của Nhà nước;

c) Bầu Ban Thanh tra nhân dân.

3. Cán bộ, viên chức và người lao động có quyền tham gia thảo luận, góp ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền quyết định các vấn đề:

a) Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện;

b) Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch, biện pháp phát triển hoạt động khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh, các nội dung quy chế liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của viên chức và người lao động;

c) Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo, đào tạo lại viên chức và người lao động của Viện;

d) Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kế toán trưởng và các chức danh khác của Viện theo quy định của pháp luật.

4. Người lao động được hưởng các quyền lợi, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và các quy định của Viện.

Điều 12. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Viện

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Viện được tổ chức hoạt động theo Điều lệ của Đảng, Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội và tuân theo các quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Điều 13. Hội đồng và các tổ chức tư vấn

Viện trưởng quyết định việc thành lập, giải thể các Hội đồng và các tổ chức tư vấn để giúp Viện trưởng thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quan hệ giữa Viện và các đơn vị trực thuộc

1. Viện giữ vai trò chủ đạo, chi phối, liên kết các hoạt động của các đơn vị trực thuộc nhằm đạt hiệu quả trong hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đầu tư phát triển.

2. Các đơn vị trực thuộc phải tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế, quy định của Viện và của đơn vị cũng như các quy định của pháp luật.

3. Các đơn vị trực thuộc hoạt động theo định hướng chiến lược phát triển chung của Viện và kế hoạch được Viện trưởng giao; Viện có trách nhiệm bố trí, trợ giúp nhân sự trong các tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, tư vấn, dịch vụ khoa học công nghệ và đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực.

4. Các đơn vị trực thuộc được phép sử dụng cơ sở vật chất, cơ sở nghiên cứu khoa học, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Viện vào mục đích nghiên cứu phát triển, nghiên cứu ứng dụng, giảng dạy, đào tạo theo quy định của Viện.

5. Viện thống nhất quản lý đối với các đơn vị trực thuộc về các lĩnh vực: Tổ chức và nhân sự, kế hoạch nghiên cứu khoa học, tài chính, xây dựng cơ bản, hợp tác quốc tế, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và các vấn đề liên quan được quy định cụ thể trong các Quy chế của Viện.

6. Viện trưởng ban hành điều lệ tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc để cụ thể hóa mối quan hệ giữa Viện và các đơn vị trực thuộc.

7. Viện trưởng phối hợp với Đảng ủy và các tổ chức chính trị - xã hội ban hành quy chế về mối quan hệ làm việc giữa Viện với tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội khác cho phù hợp với quy định của pháp luật và mục tiêu quản lý của Viện.

Điều 15. Quan hệ với các cơ quan, tổ chức, đơn vị và địa phương.

1. Viện phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật và quy định của các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quan hệ công tác và thực hiện nhiệm vụ, bảo đảm theo đúng phân cấp quản lý và đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Viện theo quy định của pháp luật.

2. Viện và các đơn vị trực thuộc Viện chịu sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở theo quy định của pháp luật, thực hiện các nghĩa vụ đối với địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Quyền hạn, trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải

1. Ban hành và bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Viện.
2. Quyết định phê duyệt kế hoạch tài chính và tài sản hàng năm của Viện; giám sát việc quản lý, sử dụng tài chính, tài sản, phân phối thu nhập, trích lập và sử dụng các quỹ của Viện theo quy định.
3. Quyết định giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phê duyệt các dự án đầu tư theo phân cấp.
4. Kiểm tra, giám sát thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ Nhà nước giao; đánh giá kết quả hoạt động của Viện; nhận xét, đánh giá hàng năm đối với Viện trưởng.
5. Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết chế độ, chính sách đối với Viện trưởng, Phó Viện trưởng, Kế toán trưởng và các viên chức khác của Viện theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Bộ.
6. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

CƠ SỞ VẬT CHẤT - KỸ THUẬT VÀ TÀI CHÍNH

Điều 17. Cơ sở vật chất - kỹ thuật, trụ sở làm việc, tài chính và tài sản

1. Tổng giá trị tài sản cố định Viện được giao quản lý, sử dụng tại thời điểm phê duyệt Điều lệ này là: 4.382.349.519 VNĐ (bốn tỷ ba trăm tám hai triệu ba trăm bốn chín nghìn năm trăm mười chín đồng), trong đó không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất.
2. Tài sản của Viện được hình thành từ các nguồn: Tài sản được đầu tư, mua sắm từ ngân sách nhà nước; tài sản được đầu tư, mua sắm từ quỹ phát triển sự nghiệp; tài sản nhận bàn giao từ các nguồn viện trợ của Chính phủ, tổ chức phi chính phủ nước ngoài và tổ chức quốc tế khác; tài sản được điều chuyển từ các dự án nước ngoài tài trợ khi kết thúc hoạt động.
3. Nguồn kinh phí
 - a) Kinh phí do ngân sách nhà nước cấp gồm:
 - Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ: Ngân sách nhà nước cấp kinh phí cho Viện theo dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao hàng năm;
 - Kinh phí hoạt động thường xuyên: Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên theo phương thức khoán tương ứng với nhiệm vụ được giao;
 - Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, vốn đối ứng của các dự án, kinh phí mua sắm trang thiết bị và sửa chữa lớn tài sản cố định bố trí trong phạm vi dự toán chi ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Các nguồn thu sự nghiệp: Thu từ hoạt động cung ứng dịch vụ, hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, hợp đồng chuyển giao công nghệ; hoạt động sản xuất, kinh doanh; thu sự nghiệp khác (nếu có).

c) Vốn tài trợ, viện trợ, quà tặng của cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài.

4. Sử dụng nguồn kinh phí

Viện sử dụng các nguồn kinh phí để chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chi tiền lương, trích lập quỹ, chi thu nhập tăng thêm và chi thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

5. Quản lý cơ sở vật chất - kỹ thuật, trụ sở làm việc và tài sản

a) Cơ sở vật chất và trụ sở làm việc: Viện thống nhất quản lý chung về đất đai, nhà làm việc và giao cho các đơn vị quản lý sử dụng; thống nhất quản lý các dự án đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất trong toàn Viện; các phòng, trung tâm được giao quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, phòng làm việc và được bố trí, sắp xếp lại phù hợp yêu cầu phát triển của Viện và theo đúng quy định của pháp luật.

b) Tài sản:

- Viện quản lý, sử dụng và khai thác tài sản của Viện để hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật;

- Hàng năm, Viện lập kế hoạch mua sắm tài sản, thiết bị theo yêu cầu nhiệm vụ. Tất cả tài sản, thiết bị mua sắm phải được phản ánh vào sổ sách kế toán và tổ chức kiểm kê, đánh giá hàng năm theo quy định quản lý tài sản của Nhà nước;

- Tài sản, thiết bị để phục vụ công tác nghiên cứu khoa học được tính hao mòn; tài sản để phục vụ sản xuất, kinh doanh tính khấu hao theo quy định. Các đơn vị trực thuộc Viện phải thực hiện quản lý, sử dụng tài sản được giao theo quy định của pháp luật.

Chương V TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 18. Tổ chức lại, giải thể Viện

Việc tổ chức lại, giải thể Viện do cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc Viện

1. Việc tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc do Viện trưởng quyết định.

2. Các đơn vị trực thuộc Viện bị giải thể trong các trường hợp sau:

a) Không tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế của Viện và của đơn vị.

b) Hoạt động không hiệu quả hoặc bị lỗ liên tục trong 02 năm liên tiếp.

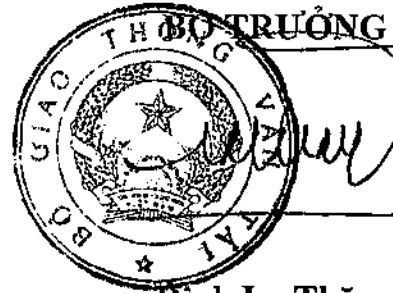
c) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

d) Chịu rủi ro không khắc phục được bởi lý do bất khả kháng.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 20. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.
2. Trong quá trình thực hiện nếu xét thấy cần bổ sung, sửa đổi Điều lệ này, Viện trưởng trình Bộ trưởng xem xét, quyết định./.



PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC
VIỆN CHIẾN LƯỢC VÀ PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG VẬN TẢI

*(Kèm theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Viện Chiến lược
và Phát triển giao thông vận tải ban hành theo Quyết định số 4211/QĐ-BGTVT
ngày 23 / 12 / 2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

I. Các tổ chức tham mưu giúp Viện trưởng

- 1) Phòng Tổ chức - Hành chính.
- 2) Phòng Kế hoạch - Tài chính.
- 3) Phòng Khoa học, công nghệ và Hợp tác quốc tế.
- 4) Phòng Chiến lược - Quy hoạch.
- 5) Phòng Dự báo - Tổ chức vận tải.
- 6) Phòng Định mức kinh tế - kỹ thuật và Thể chế.

II. Các trung tâm trực thuộc

- 1) Trung tâm Phát triển giao thông đô thị và nông thôn.
 - 2) Trung tâm Nghiên cứu an toàn giao thông.
 - 3) Trung tâm Phát triển nguồn nhân lực giao thông vận tải.
 - 4) Trung tâm Phát triển bền vững và Biến đổi khí hậu giao thông vận tải.
 - 5) Trung tâm Tư vấn đầu tư phát triển giao thông vận tải.
 - 6) Trung tâm Nghiên cứu phát triển giao thông vận tải (tại Thành phố Hồ Minh).
-